

THÔNG CÁO BÁO CHÍ

Các văn bản quy phạm pháp luật do Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành trong tháng 11 năm 2025

Thực hiện quy định tại điểm c Mục 3 Phần IV Quyết định số 977/QĐ-TTg ngày 11/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Đề án “Tăng cường năng lực tiếp cận pháp luật của người dân”, Sở Tư pháp thông cáo báo chí các văn bản quy phạm pháp luật do Hội đồng nhân dân (HĐND) và Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh ban hành trong tháng 11 năm 2025, cụ thể như sau:

I. CÁC VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT DO HĐND, UBND TỈNH BAN HÀNH

1. Nghị quyết của HĐND tỉnh

- Nghị quyết số 07/2025/NQ-HĐND ngày 30/10/2025 quy định chính sách, chế độ đối với người làm việc ngoài chỉ tiêu biên chế tại các Hội do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ ở cấp tỉnh, cấp huyện trước thời điểm ngày 01/7/2025 chịu sự tác động do thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy, đơn vị hành chính các cấp trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

- Nghị quyết số 08/2025/NQ-HĐND ngày 30/10/2025 quy định mức hưởng phụ cấp hằng tháng đối với Thôn đội trưởng và mức trợ cấp ngày công lao động đối với dân quân trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

- Nghị quyết số 09/2025/NQ-HĐND ngày 30/10/2025 quy định mức thu lệ phí 0 đồng khi thực hiện thủ tục hành chính thông qua dịch vụ công trực tuyến trên địa bàn tỉnh và sửa đổi, bãi bỏ một số quy định về tổ chức thu lệ phí trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

- Nghị quyết số 10/2025/NQ-HĐND ngày 30/10/2025 quy định thẩm quyền quyết định phê duyệt nhiệm vụ và dự toán kinh phí chi thường xuyên ngân sách nhà nước thực hiện mua sắm, sửa chữa, cải tạo, nâng cấp tài sản, trang thiết bị; thuê hàng hóa, dịch vụ; sửa chữa, cải tạo, nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới hạng mục công trình trong các dự án đã đầu tư xây dựng của các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Đắk Lắk.

- Nghị quyết số 11/2025/NQ-HĐND ngày 30/10/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về một số chế độ và điều kiện đảm bảo hoạt động của HĐND các cấp trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk ban hành kèm theo Nghị quyết số 19/2023/NQ-HĐND ngày 14/11/2023 của HĐND tỉnh Đắk Lắk.

- Nghị quyết số 12/2025/NQ-HĐND ngày 30/10/2025 quy định mức chi chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.
- Nghị quyết số 13/2025/NQ-HĐND ngày 30/10/2025 quy định một số nội dung về tổ chức lễ tang và phúng viếng trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.
- Nghị quyết số 14/2025/NQ-HĐND ngày 30/10/2025 quy định hỗ trợ thêm mức đóng bảo hiểm y tế cho một số nhóm đối tượng tham gia bảo hiểm y tế trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.
- Nghị quyết số 15/2025/NQ-HĐND ngày 30/10/2025 quy định mức kinh phí hỗ trợ hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân cấp xã trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

2. Quyết định của UBND tỉnh

- Quyết định số 019/2025/QĐ-UBND ngày 03/11/2025 quy định phân cấp thẩm quyền quyết định cho phép miễn, giảm tiền sử dụng đất đối với người có công với cách mạng và thân nhân liệt sĩ trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.
- Quyết định số 020/2025/QĐ-UBND ngày 05/11/2025 điều chỉnh bảng giá đất ban hành kèm theo Quyết định số 13/2025/QĐ-UBND ngày 26/02/2025 của UBND tỉnh Đắk Lắk về việc điều chỉnh, bổ sung bảng giá đất giai đoạn 2020 - 2024 trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.
- Quyết định số 021/2025/QĐ-UBND ngày 10/11/2025 quy định cụ thể danh mục trang cấp đồ dùng cá nhân, học phẩm cho học sinh trường phổ thông dân tộc nội trú, cơ sở giáo dục phổ thông được cấp có thẩm quyền giao thực hiện nhiệm vụ giáo dục học sinh dân tộc nội trú để thực hiện chính sách theo Nghị định số 66/2025/NĐ-CP của Chính phủ trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.
- Quyết định số 022/2025/QĐ-UBND ngày 10/11/2025 ban hành Quy định về dạy thêm, học thêm trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.
- Quyết định số 023/2025/QĐ-UBND ngày 10/11/2025 quy định khoảng cách, địa bàn làm căn cứ xác định học sinh, học viên không thể đi đến trường và trở về nhà trong ngày để thực hiện chính sách theo Nghị định số 66/2025/NĐ-CP của Chính phủ trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.
- Quyết định số 024/2025/QĐ-UBND ngày 11/11/2025 quy định về phân cấp quản lý, tổ chức thực hiện các dự án sử dụng nguồn vốn đầu tư phát triển thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.
- Quyết định số 025/2025/QĐ-UBND ngày 12/11/2025 Danh mục tài sản mua sắm tập trung thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Đắk Lắk.
- Quyết định số 026/2025/QĐ-UBND ngày 13/11/2025 ban hành Quy định quản lý an toàn trong sử dụng điện trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.
- Quyết định số 027/2025/QĐ-UBND ngày 14/11/2025 quy định danh mục tài sản cố định đặc thù và danh mục, thời gian tính hao mòn, tỷ lệ hao mòn tài sản cố

định vô hình (trừ thương hiệu của đơn vị sự nghiệp công lập) thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Đắk Lắk.

- Quyết định số 028/2025/QĐ-UBND ngày 14/11/2025 ban hành Quy chế về nâng bậc lương trước thời hạn do lập thành tích xuất sắc trong thực hiện nhiệm vụ; nâng lương vượt một bậc do được đánh giá có phẩm chất, năng lực nổi trội, có thành tích đặc biệt xuất sắc đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

- Quyết định số 029/2025/QĐ-UBND ngày 17/11/2025 quy định về diện tích, vị trí, mục đích sử dụng của công trình xây dựng phục vụ trực tiếp sản xuất nông nghiệp trên đất trồng lúa trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

- Quyết định số 030/2025/QĐ-UBND ngày 19/11/2025 quy định Bảng giá tính lệ phí trước bạ đối với nhà trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

- Quyết định số 031/2025/QĐ-UBND ngày 19/11/2025 phân cấp thẩm quyền quyết định xác lập, phê duyệt phương án xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Đắk Lắk.

- Quyết định số 032/2025/QĐ-UBND ngày 19/11/2025 phân cấp thẩm quyền ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng của các cơ quan, đơn vị, địa phương thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Đắk Lắk.

II. HIỆU LỰC THI HÀNH VÀ NỘI DUNG CHỦ YẾU CỦA CÁC VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

1. Nghị quyết của HĐND tỉnh

1.1. Nghị quyết số 07/2025/NQ-HĐND ngày 30/10/2025 quy định chính sách, chế độ đối với người làm việc ngoài chỉ tiêu biên chế tại các Hội do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ ở cấp tỉnh, cấp huyện trước thời điểm ngày 01/7/2025 chịu sự tác động do thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy, đơn vị hành chính các cấp trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk

a) Hiệu lực thi hành: từ ngày 30/10/2025.

b) Nội dung chủ yếu: Nghị quyết này quy định chính sách, chế độ đối với người làm việc ngoài chỉ tiêu biên chế tại các Hội do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ ở cấp tỉnh, cấp huyện trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk (cũ) và tỉnh Phú Yên (trước đây) trước thời điểm ngày 01/7/2025 chịu sự tác động do thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy, đơn vị hành chính các cấp theo Kết luận số 183-KL/TW ngày 01/8/2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

- Về đối tượng áp dụng:

+ Người làm việc ngoài chỉ tiêu biên chế tại các Hội do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ ở cấp tỉnh hoặc ở cấp huyện trước thời điểm ngày 01/7/2025 nghỉ việc ngay do thực hiện mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp, bao gồm: Chủ tịch, Phó Chủ tịch chuyên trách trong độ tuổi lao động; Chủ tịch, Phó Chủ tịch

chuyên trách là người đã nghỉ hưu; người trong độ tuổi lao động làm việc theo chế độ hợp đồng lao động.

+ Các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan trong việc thực hiện chính sách, chế độ tại Nghị quyết này.

- Về nguồn kinh phí thực hiện: Nguồn kinh phí thực hiện được đảm bảo từ nguồn ngân sách tỉnh theo quy định của Luật Ngân sách Nhà nước.

1.2. Nghị quyết số 08/2025/NQ-HĐND ngày 30/10/2025 quy định mức hưởng phụ cấp hằng tháng đối với Thôn đội trưởng và mức trợ cấp ngày công lao động đối với dân quân trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk

a) *Hiệu lực thi hành:* từ ngày 30/10/2025, bãi bỏ Nghị quyết số 17/2020/NQ-HĐND ngày 09/12/2020 của HĐND tỉnh Đắk Lắk về phụ cấp hằng tháng của Thôn đội trưởng và trợ cấp ngày công lao động đối với dân quân trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk và Nghị quyết số 02/025/NQ-HĐND ngày 25/3/2025 của HĐND tỉnh Phú Yên quy định chế độ, chính sách đối với dân quân tự vệ giai đoạn 2025 - 2029 và những năm tiếp theo.

b) *Nội dung chủ yếu:* Nghị quyết này quy định về mức hưởng phụ cấp hằng tháng đối với Thôn đội trưởng, Buôn đội trưởng và Tổ đội trưởng (gọi chung là Thôn đội trưởng); trợ cấp ngày công lao động và trợ cấp ngày công lao động tăng thêm đối với dân quân.

- Về đối tượng áp dụng: Thôn đội trưởng; dân quân tham gia thực hiện nhiệm vụ theo quy định; các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan.

- Về mức hưởng phụ cấp hằng tháng, mức trợ cấp ngày công lao động:

+ Mức hưởng phụ cấp hằng tháng của Thôn đội trưởng là 1.170.000 đồng.

+ Mức trợ cấp ngày công lao động và trợ cấp ngày công lao động tăng thêm đối với dân quân: (1) Mức trợ cấp ngày công lao động đối với dân quân tại chỗ, dân quân cơ động, dân quân phòng không, pháo binh, trinh sát, thông tin, công binh, phòng hóa, y tế là 327.600 đồng/người/ngày; (2) Mức trợ cấp tăng thêm là 163.800 đồng/người/ngày, đối với: Trường hợp được kéo dài thời hạn thực hiện nghĩa vụ tham gia Dân quân tự vệ theo quyết định của cấp có thẩm quyền, trường hợp thực hiện nhiệm vụ chống khủng bố, giải thoát con tin, trấn áp tội phạm, giải tán biểu tình, bạo loạn; phòng, chống dịch bệnh nguy hiểm ở khu vực nguy cơ lây nhiễm cao; cứu sập, cứu hộ, cứu nạn, chữa cháy, khắc phục sự cố thảm họa ở khu vực nguy hiểm đến tính mạng theo quyết định theo quyết định của cấp có thẩm quyền.

1.3. Nghị quyết số 09/2025/NQ-HĐND ngày 30/10/2025 quy định mức thu lệ phí 0 đồng khi thực hiện thủ tục hành chính thông qua dịch vụ công trực tuyến trên địa bàn tỉnh và sửa đổi, bãi bỏ một số quy định về tổ chức thu lệ phí trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

a) *Hiệu lực thi hành:* từ ngày 30/10/2025.

b) *Nội dung chủ yếu:* Nghị quyết này quy định mức thu lệ phí 0 đồng khi thực hiện thủ tục hành chính thông qua dịch vụ công trực tuyến trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk và điều chỉnh một số nội dung về tổ chức thu lệ phí tại các Nghị quyết của HĐND tỉnh Đắk Lắk (cũ) và HĐND tỉnh Phú Yên (trước đây).

- Về đối tượng áp dụng: Tổ chức thu lệ phí; Tổ chức, cá nhân nộp lệ phí khi thực hiện thủ tục hành chính thông qua hoạt động cung cấp dịch vụ công trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh; Cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

- Mức thu lệ phí là 0 đồng khi thực hiện thủ tục hành chính thông qua dịch vụ công trực tuyến trên địa bàn tỉnh đối với 05 loại lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND tỉnh:

+ Lệ phí hộ tịch quy định tại Điều 19 Quy định kèm theo Nghị quyết số 24/2024/NQ-HĐND của HĐND tỉnh Đắk Lắk (cũ) ban hành quy định thu phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND tỉnh trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk và Nghị quyết số 23/2023/NQ-HĐND của HĐND tỉnh Phú Yên (trước đây) quy định mức thu, quản lý lệ phí hộ tịch trên địa bàn tỉnh Phú Yên.

+ Lệ phí cấp giấy phép lao động cho người nước ngoài làm việc tại tỉnh Đắk Lắk quy định tại Điều 20 Quy định kèm theo Nghị quyết số 24/2024/NQ-HĐND của HĐND tỉnh Đắk Lắk (cũ) và Nghị quyết số 24/2023/NQ-HĐND của HĐND tỉnh Phú Yên (trước đây) quy định mức thu và quản lý lệ phí cấp giấy phép lao động cho người nước ngoài làm việc tại tỉnh Phú Yên.

+ Lệ phí cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà, tài sản gắn liền với đất quy định tại Điều 21 Quy định kèm theo Nghị quyết số 24/2024/NQ-HĐND của HĐND tỉnh Đắk Lắk (cũ) và Nghị quyết số 25/2023/NQ-HĐND của HĐND tỉnh Phú Yên (trước đây) quy định mức thu và quản lý lệ phí cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà, tài sản gắn liền với đất trên địa bàn tỉnh Phú Yên.

+ Lệ phí cấp giấy phép xây dựng quy định tại Điều 22 Quy định kèm theo Nghị quyết số 24/2024/NQ-HĐND của HĐND tỉnh Đắk Lắk (cũ) và Nghị quyết số 26/2023/NQ-HĐND của HĐND tỉnh Phú Yên (trước đây) quy định mức thu và quản lý lệ phí cấp giấy phép xây dựng trên địa bàn tỉnh Phú Yên.

+ Lệ phí đăng ký kinh doanh quy định tại Điều 23 Quy định kèm theo Nghị quyết số 24/2024/NQ-HĐND của HĐND tỉnh Đắk Lắk (cũ) và Nghị quyết số 27/2023/NQ-HĐND của HĐND tỉnh Phú Yên (trước đây) quy định mức thu và quản lý lệ phí đăng ký kinh doanh trên địa bàn tỉnh Phú Yên.

Ngoài ra, Nghị quyết này sửa đổi một số nội dung về tổ chức thu lệ phí và bãi bỏ một số điều, khoản của các Nghị quyết của HĐND tỉnh Đắk Lắk (cũ) và HĐND tỉnh Phú Yên (trước đây) ban hành.

1.4. Nghị quyết số 10/2025/NQ-HĐND ngày 30/10/2025 quy định thẩm quyền quyết định phê duyệt nhiệm vụ và dự toán kinh phí chi thường xuyên ngân sách nhà nước thực hiện mua sắm, sửa chữa, cải tạo, nâng cấp tài sản, trang thiết bị; thuê hàng hóa, dịch vụ; sửa chữa, cải tạo, nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới hạng mục công trình trong các dự án đã đầu tư xây dựng của các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Đắk Lắk

a) *Hiệu lực thi hành:* từ ngày 30/10/2025.

b) *Nội dung chủ yếu:* Nghị quyết này quy định thẩm quyền quyết định phê duyệt nhiệm vụ và dự toán kinh phí chi thường xuyên ngân sách nhà nước (bao gồm cả nguồn bổ sung từ ngân sách cấp trên) để mua sắm, sửa chữa, cải tạo, nâng cấp tài sản, trang thiết bị phục vụ hoạt động; thuê hàng hóa, dịch vụ; sửa chữa, cải tạo, nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới hạng mục công trình trong các dự án đã đầu tư xây dựng của các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Đắk Lắk theo quy định tại khoản 3 Điều 5, điểm b khoản 2 Điều 8, khoản 1 Điều 11 Nghị định số 98/2025/NĐ-CP quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước để mua sắm, sửa chữa, cải tạo, nâng cấp tài sản, trang thiết bị; chi thuê hàng hóa, dịch vụ; sửa chữa, cải tạo, nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới hạng mục công trình trong các dự án đã đầu tư xây dựng và các nhiệm vụ cần thiết khác.

- Về đối tượng áp dụng: Các cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị và các tổ chức chính trị - xã hội; các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Đắk Lắk (sau đây được gọi chung là cơ quan, đơn vị); các tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến sử dụng kinh phí chi thường xuyên ngân sách nhà nước để mua sắm, sửa chữa, cải tạo, nâng cấp tài sản, trang thiết bị phục vụ hoạt động; thuê hàng hóa, dịch vụ; sửa chữa, cải tạo, nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới hạng mục công trình trong các dự án đã đầu tư xây dựng.

- Nghị quyết quy định:

+ Thẩm quyền quyết định phê duyệt nhiệm vụ và dự toán kinh phí chi thường xuyên ngân sách nhà nước để thuê hàng hóa, dịch vụ;

+ Thẩm quyền quyết định phê duyệt nhiệm vụ và dự toán kinh phí chi thường xuyên ngân sách nhà nước để thực hiện mua sắm, sửa chữa, cải tạo, nâng cấp tài sản, trang thiết bị phục vụ hoạt động;

+ Thẩm quyền quyết định phê duyệt nhiệm vụ và dự toán kinh phí chi thường xuyên ngân sách nhà nước để thực hiện sửa chữa, cải tạo, nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới hạng mục công trình trong các dự án đã đầu tư xây dựng.

1.5. Nghị quyết số 11/2025/NQ-HĐND ngày 30/10/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về một số chế độ và điều kiện đảm bảo hoạt động của HĐND các cấp trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk ban hành kèm theo Nghị quyết số 19/2023/NQ-HĐND ngày 14/11/2023 của HĐND tỉnh Đắk Lắk

a) *Hiệu lực thi hành*: từ ngày 10/11/2025.

b) *Nội dung chủ yếu*: Nghị quyết này sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về một số chế độ và điều kiện đảm bảo hoạt động của HĐND các cấp trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk ban hành kèm theo Nghị quyết số 19/2023/NQ-HĐND, cụ thể:

- Sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số điểm, khoản của Điều 5;
- Sửa đổi một số khoản của Điều 6;
- Sửa đổi một số khoản của Điều 7;
- Sửa đổi khoản 1 của Điều 8;
- Sửa đổi, bãi bỏ một số điểm, khoản của Điều 10;
- Sửa đổi Điều 11;
- Sửa đổi một số điểm, khoản của Điều 12;
- Bãi bỏ một số cụm từ của Điều 1, Điều 2; bãi bỏ một số điểm của Điều 4, Điều 9.

1.6. Nghị quyết số 12/2025/NQ-HĐND ngày 30/10/2025 quy định mức chi chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk

a) *Hiệu lực thi hành*: từ ngày 30/10/2025, bãi bỏ Nghị quyết số 30/2017/NQ-HĐND ngày 11/10/2017 của HĐND tỉnh Đắk Lắk (cũ) quy định mức chi chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk và Nghị quyết số 30/2017/NQ-HĐND ngày 21/9/2017 của HĐND tỉnh Phú Yên (trước đây) ban hành quy định mức chi công tác phí, mức chi hội nghị đối với các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh Phú Yên.

b) *Nội dung chủ yếu*: Nghị quyết này quy định mức chi chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị của các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, các tổ chức hội sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước hỗ trợ (sau đây gọi là cơ quan, đơn vị).

- Về đối tượng áp dụng:

+ Đối với chế độ công tác phí: Cán bộ, công chức, viên chức, người lao động làm việc tại các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, các tổ chức hội sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước hỗ trợ; Đại biểu HĐND các cấp khi tham gia hoạt động của HĐND.

+ Đối với chế độ chi hội nghị:

Các hội nghị chuyên môn, hội nghị sơ kết và tổng kết chuyên đề; hội nghị tổng kết năm; hội nghị tập huấn triển khai nhiệm vụ công tác do các cơ quan hành chính nhà nước tổ chức; kỳ họp của HĐND, phiên họp của Thường trực HĐND và cuộc họp các Ban của HĐND.

Các hội nghị chuyên môn, hội nghị sơ kết và tổng kết chuyên đề, hội nghị tổng kết năm, hội nghị tập huấn triển khai nhiệm vụ của các đơn vị sự nghiệp công lập.

Các hội nghị chuyên môn, hội nghị tập huấn triển khai nhiệm vụ hoặc các hội nghị được tổ chức theo quy định trong điều lệ của các tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức hội sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước hỗ trợ.

+ Nghị quyết này không áp dụng đối với Đại hội, hội nghị Đảng các cấp.

- Mức chi chế độ công tác phí:

+ Phụ cấp lưu trú;

+ Thanh toán tiền thuê phòng nghỉ tại nơi đến công tác (thanh toán theo hình thức khoán, thanh toán theo hóa đơn thực tế).

- Mức chi chế độ hội nghị:

+ Chi giải khát giữa giờ;

+ Chi hỗ trợ tiền ăn cho đại biểu là khách mời không trong danh sách trả lương của cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập và doanh nghiệp theo mức khoán;

+ Chi hỗ trợ tiền thuê phòng nghỉ cho đại biểu là khách mời không trong danh sách trả lương của cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập và doanh nghiệp.

- Mức chi quy định tại Nghị quyết này là mức chi tối đa làm căn cứ để Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị căn cứ vào nhiệm vụ của cơ quan đơn vị mình, nguồn dự toán được giao và các nguồn kinh phí hợp pháp khác, rà soát và quy định cụ thể trong quy chế chi tiêu nội bộ cho phù hợp để làm cơ sở cho việc thanh toán, kiểm soát chi, quyết toán và kiểm tra, thanh tra của các cơ quan quản lý.

- Các quy định khác không nêu trong Nghị quyết này thì thực hiện theo quy định tại Thông tư số 40/2017/TT-BTC quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 12/2025/TT-BTC.

- Đối với kinh phí thực hiện chế độ công tác phí, chế độ hội nghị năm 2025, các cơ quan, đơn vị bố trí, sắp xếp trong phạm vi dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2025 đã được cấp có thẩm quyền giao để thực hiện.

- Khi các văn bản quy định về chế độ, định mức chi dẫn chiếu để áp dụng tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản mới thì áp dụng theo các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

1.7. Nghị quyết số 13/2025/NQ-HĐND ngày 30/10/2025 quy định một số nội dung về tổ chức lễ tang và phúng viếng trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk

a) Hiệu lực thi hành: từ ngày 10/11/2025.

b) Nội dung chủ yếu: Nghị quyết này ban hành Quy định một số nội dung, mức chi hỗ trợ tổ chức lễ tang và phúng viếng đối với cán bộ, công chức, viên

chức, người lao động tỉnh Đắk Lắk đang công tác hoặc nghỉ hưu và một số đối tượng có liên quan khác khi từ trần; quy định chế độ cho người tham gia thành viên Ban Tổ chức Lễ tang, tổ phục vụ, tham gia đoàn phúng viếng.

- Về đối tượng áp dụng: cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk đang công tác hoặc nghỉ hưu khi từ trần; người có công với cách mạng; người nhận được các danh hiệu vinh dự của Nhà nước; các nhà hoạt động xã hội, văn hóa, khoa học tiêu biểu khi từ trần; thân nhân của các đồng chí lãnh đạo Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, lãnh đạo các Bộ, Ban, ngành Trung ương, lãnh đạo các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khi từ trần; các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc tổ chức lễ tang, phúng viếng đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động tỉnh Đắk Lắk đang công tác hoặc nghỉ hưu và một số đối tượng có liên quan khác khi từ trần.

- Quy định một số nội dung về tổ chức Lễ tang cấp cao; Lễ tang do tỉnh tổ chức; Lễ tang do cấp xã tổ chức; Lễ tang do cơ quan, đơn vị tổ chức; Tổ chức đoàn phúng viếng của tỉnh đối với các trường hợp khác.

- Quy định cụ thể về mức chi phúng viếng và các chi phí khác; chế độ đối với người tham gia Ban Tổ chức Lễ tang, Tổ phục vụ và Đoàn phúng viếng.

Các nội dung khác liên quan đến tổ chức lễ tang và phúng viếng không quy định tại Nghị quyết này thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

1.8. Nghị quyết số 14/2025/NQ-HĐND ngày 30/10/2025 quy định hỗ trợ thêm mức đóng bảo hiểm y tế cho một số nhóm đối tượng tham gia bảo hiểm y tế trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk

a) *Hiệu lực thi hành:* từ ngày 30/10/2025, bãi bỏ Nghị quyết số 18/2021/NQ-HĐND ngày 21/12/2021 của HĐND tỉnh Đắk Lắk về việc quy định hỗ trợ mức đóng bảo hiểm y tế cho một số nhóm đối tượng tham gia bảo hiểm y tế trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk, Nghị quyết số 17/2024/NQ-HĐND ngày 07/11/2024 của HĐND tỉnh Đắk Lắk về sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 18/2021/NQ-HĐND ngày 21/12/2021 của HĐND tỉnh Đắk Lắk về việc quy định hỗ trợ mức đóng bảo hiểm y tế cho một số nhóm đối tượng tham gia bảo hiểm y tế trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk và Nghị quyết số 05/2023/NQ-HĐND ngày 07/7/2023 của HĐND tỉnh Phú Yên về việc quy định mức hỗ trợ đóng bảo hiểm y tế người thuộc hộ gia đình cận nghèo; người thuộc hộ gia đình làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình trên địa bàn tỉnh Phú Yên.

b) *Nội dung chủ yếu:* Nghị quyết này quy định hỗ trợ thêm mức đóng bảo hiểm y tế cho một số nhóm đối tượng tham gia bảo hiểm y tế trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

- Về đối tượng áp dụng:

+ Các nhóm đối tượng hưởng hỗ trợ thêm mức đóng bảo hiểm y tế: Người thuộc hộ gia đình cận nghèo theo tiêu chí chuẩn hộ gia đình cận nghèo theo quy định của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ; người thuộc hộ gia đình làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình theo quy định của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ; người dân tộc thiểu số đang sinh sống tại các xã được xác định không còn thuộc vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, đặc biệt khó khăn theo quy định của Chính phủ; học sinh, sinh viên trên địa bàn tỉnh.

+ Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến thực hiện hỗ trợ thêm mức đóng bảo hiểm y tế.

- Về nguyên tắc hỗ trợ: Trường hợp một người thuộc nhiều nhóm đối tượng được ngân sách Nhà nước hỗ trợ mức đóng bảo hiểm y tế quy định tại Điều 3 Nghị quyết này thì được hưởng theo nhóm đối tượng có mức hỗ trợ cao nhất.

- Về mức hỗ trợ: Ngoài mức hỗ trợ đóng bảo hiểm y tế từ ngân sách trung ương thì một số đối tượng được hưởng thêm với mức hỗ trợ đóng bảo hiểm y tế như sau:

+ Hỗ trợ 30% mức đóng bảo hiểm y tế đối với người thuộc hộ gia đình cận nghèo theo tiêu chí chuẩn hộ gia đình cận nghèo theo quy định của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.

+ Hỗ trợ 30% mức đóng bảo hiểm y tế đối với người thuộc hộ gia đình làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình theo quy định của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.

+ Hỗ trợ 15% mức đóng bảo hiểm y tế đối với người dân tộc thiểu số đang sinh sống tại các xã được xác định không còn thuộc vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, đặc biệt khó khăn theo quy định của Chính phủ.

+ Hỗ trợ 5% mức đóng bảo hiểm y tế đối với học sinh, sinh viên trên địa bàn tỉnh.

1.9. Nghị quyết số 15/2025/NQ-HĐND ngày 30/10/2025 quy định mức kinh phí hỗ trợ hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân cấp xã trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk

a) Hiệu lực thi hành: từ ngày 10/11/2025.

b) Nội dung chủ yếu: Nghị quyết này quy định mức kinh phí hỗ trợ hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân ở xã, phường (sau đây gọi là Ban Thanh tra nhân dân cấp xã) trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

- Về đối tượng áp dụng: Ban Thanh tra nhân dân cấp xã; các tổ chức, cá nhân có liên quan.

- Mức kinh phí hỗ trợ: Mức kinh phí hỗ trợ hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân cấp xã trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk là 10.000.000 đồng/Ban/năm.

2. Quyết định của UBND tỉnh

2.1. Quyết định số 019/2025/QĐ-UBND ngày 03/11/2025 quy định phân cấp thẩm quyền quyết định cho phép miễn, giảm tiền sử dụng đất đối với người có công với cách mạng và thân nhân liệt sĩ trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk

a) Hiệu lực thi hành: từ ngày 03/11/2025, bãi bỏ Quyết định số 38/2024/QĐ-UBND ngày 31/7/2024 của UBND tỉnh Phú Yên (trước đây) quy định phân cấp thẩm quyền quyết định cho phép miễn, giảm đối với người có công với cách mạng và thân nhân liệt sĩ trên địa bàn tỉnh Phú Yên.

b) Nội dung chủ yếu: Quyết định này quy định phân cấp thẩm quyền quyết định cho phép miễn, giảm tiền sử dụng đất đối với người có công với cách mạng và thân nhân liệt sĩ trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

- Về đối tượng áp dụng: Ủy ban nhân dân các xã, phường (gọi chung là UBND cấp xã); Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến miễn, giảm tiền sử dụng đất cho người có công với cách mạng và thân nhân liệt sĩ theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung phân cấp: Phân cấp cho UBND cấp xã thực hiện tiếp nhận, xét duyệt hồ sơ và ban hành Quyết định phê duyệt miễn, giảm tiền sử dụng đất ở đối với người có công với cách mạng và thân nhân liệt sĩ trên địa bàn quản lý.

- Về tổ chức thực hiện: Quyết định này giao nhiệm vụ cụ thể cho Sở Nội vụ, Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Tài chính, Thuế tỉnh Đắk Lắk và UBND cấp xã trong việc thực hiện nội dung phân cấp nêu tại Quyết định này.

2.2. Quyết định số 020/2025/QĐ-UBND ngày 05/11/2025 điều chỉnh bảng giá đất ban hành kèm theo Quyết định số 13/2025/QĐ-UBND ngày 26/02/2025 của UBND tỉnh Đắk Lắk về việc điều chỉnh, bổ sung bảng giá đất giai đoạn 2020 - 2024 trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk

a) Hiệu lực thi hành: từ ngày 17/11/2025 đến hết ngày 31/12/2025.

b) Nội dung chủ yếu: Quyết định này điều chỉnh giá đất ở tại đô thị của Bảng số 7 thuộc Phụ lục I Bảng giá các loại đất trên địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk (nay thuộc phường Tân An và Tân Lập, tỉnh Đắk Lắk) được ban hành kèm theo Quyết định số 13/2025/QĐ-UBND ngày 26/02/2025 của UBND tỉnh Đắk Lắk. Cụ thể như sau:

- Điều chỉnh giá đất tại Khu dân cư 47 Lý Tự Trọng, phường Tân An (số thứ tự 316 của Bảng số 7. Giá đất ở tại đô thị).

- Điều chỉnh giá đất tại Khu dân cư thuộc điều chỉnh quy hoạch chi tiết đô thị 1/500 khu dân cư đô thị khối 6, phường Tân An (số thứ tự 398 của Bảng số 7. Giá đất ở tại đô thị).

- Điều chỉnh giá đất tại Khu tái định cư khu đô thị sinh thái văn hóa, du lịch dân tộc Đăk Lăk, phường Tân An (số thứ tự 400 của Bảng số 7. Giá đất ở tại đô thị).

- Điều chỉnh thông tin tên đường nhưng giữ nguyên giá đất đã được quy định tại Khu dân cư buôn Păm Lăm - Kôsiêr, phường Tân Lập (số thứ tự 343, 344, 345 và 346 của Bảng số 7. Giá đất ở tại đô thị).

- Về tổ chức thực hiện: Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, Thuế tỉnh Đăk Lăk và các cơ quan có liên quan tổ chức triển khai, theo dõi và kiểm tra việc thực hiện Quyết định này.

2.3. Quyết định số 021/2025/QĐ-UBND ngày 10/11/2025 quy định cụ thể danh mục trang cấp đồ dùng cá nhân, học phẩm cho học sinh trường phổ thông dân tộc nội trú, cơ sở giáo dục phổ thông được cấp có thẩm quyền giao thực hiện nhiệm vụ giáo dục học sinh dân tộc nội trú để thực hiện chính sách theo Nghị định số 66/2025/NĐ-CP của Chính phủ trên địa bàn tỉnh Đăk Lăk

a) Hiệu lực thi hành: từ ngày 10/11/2025.

b) Nội dung chủ yếu: Quyết định này quy định cụ thể danh mục trang cấp đồ dùng cá nhân, học phẩm cho học sinh trường phổ thông dân tộc nội trú, cơ sở giáo dục phổ thông được cấp có thẩm quyền giao thực hiện nhiệm vụ giáo dục học sinh dân tộc nội trú để thực hiện chính sách theo Nghị định số 66/2025/NĐ-CP của Chính phủ trên địa bàn tỉnh Đăk Lăk.

- Về đối tượng áp dụng: Học sinh dân tộc nội trú học tại trường phổ thông dân tộc nội trú, cơ sở giáo dục phổ thông được cấp có thẩm quyền giao thực hiện nhiệm vụ giáo dục học sinh dân tộc nội trú; Trường phổ thông dân tộc nội trú, cơ sở giáo dục phổ thông được cấp có thẩm quyền giao thực hiện nhiệm vụ giáo dục học sinh dân tộc nội trú; Các cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân có liên quan.

- Quy định danh mục trang cấp đồ dùng cá nhân và học phẩm cho học sinh dân tộc nội trú:

+ Danh mục trang cấp đồ dùng cá nhân, học phẩm: Chăn màn và đồ dùng cá nhân cấp cho mỗi học sinh một lần ở mỗi cấp học theo quy định tại điểm c khoản 3 Điều 6 Nghị định số 66/2025/NĐ-CP; Quần, áo đồng phục và học phẩm cấp cho mỗi học sinh mỗi năm học theo quy định tại điểm c khoản 3 Điều 6 Nghị định số 66/2025/NĐ-CP.

+ Các cơ sở giáo dục căn cứ định mức kinh phí được giao, xác định số lượng đồ dùng cá nhân, học phẩm trang cấp cho học sinh theo danh mục quy định tại khoản 1 Điều này và tuân thủ quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công, pháp luật về đấu thầu và các quy định pháp luật có liên quan.

2.4. Quyết định số 022/2025/QĐ-UBND ngày 10/11/2025 ban hành Quy định về dạy thêm, học thêm trên địa bàn tỉnh Đăk Lăk

a) *Hiệu lực thi hành*: từ ngày 21/11/2025.

b) *Nội dung chủ yếu*: Quyết định này ban hành Quy định về dạy thêm, học thêm trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

- Về phạm vi áp dụng: quy định về dạy thêm, học thêm đối với giáo dục phổ thông, giáo dục thường xuyên, bao gồm: trách nhiệm Ủy ban nhân dân cấp xã, cơ quan quản lý giáo dục và các cơ quan liên quan trong việc thực hiện quy định về dạy thêm, học thêm; quản lý và sử dụng kinh phí tổ chức dạy thêm, học thêm; công tác thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm.

- Về đối tượng áp dụng: người dạy thêm, người học thêm; tổ chức, cá nhân tổ chức dạy thêm, học thêm và các tổ chức, cá nhân có liên quan trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

- Về trách nhiệm quản lý hoạt động dạy thêm, học thêm: Quy định trách nhiệm cụ thể của Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Tài chính, UBND cấp xã, Hiệu trưởng (bao gồm Hiệu trưởng hoặc Giám đốc hoặc người đứng đầu nhà trường) và tổ chức, cá nhân tổ chức dạy thêm ngoài nhà trường có thu tiền của học sinh.

- Quy định này còn quy định về quản lý và sử dụng kinh phí tổ chức dạy thêm, học thêm (trong nhà trường, ngoài nhà trường); về công tác thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm trong hoạt động dạy thêm, học thêm.

Những nội dung khác không được quy định trong Quy định này thì áp dụng theo quy định tại Thông tư số 29/2024/TT-BGDĐT của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo và các quy định hiện hành có liên quan.

2.5. Quyết định số 023/2025/QĐ-UBND ngày 10/11/2025 quy định khoảng cách, địa bàn làm căn cứ xác định học sinh, học viên không thể đi đến trường và trở về nhà trong ngày để thực hiện chính sách theo Nghị định số 66/2025/NĐ-CP của Chính phủ trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk

a) *Hiệu lực thi hành*: từ ngày 10/11/2025, các quy định tại Điều 1, Điều 2 của Quyết định này được thực hiện từ ngày 01/01/2025.

b) *Nội dung chủ yếu*: Quyết định này quy định khoảng cách, địa bàn đối với học sinh, học viên được quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 4 Nghị định số 66/2025/NĐ-CP trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk không thể đi đến trường và trở về nhà trong ngày.

- Về đối tượng áp dụng:

+ Học sinh bán trú học tại cơ sở giáo dục phổ thông đáp ứng điều kiện quy định tại khoản 2 Điều 4 Nghị định số 66/2025/NĐ-CP.

+ Học viên bán trú học chương trình giáo dục thường xuyên cấp trung học cơ sở, trung học phổ thông đáp ứng điều kiện quy định tại khoản 3 Điều 4 Nghị định số 66/2025/NĐ-CP.

+ Các cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân có liên quan.

- Quy định về khoảng cách để xác định học sinh, học viên bán trú không thể đi đến trường và trở về nhà trong ngày khi đáp ứng điều kiện quy định tại điểm a, điểm b khoản 2 Điều 1 Quyết định này, như sau:

+ Đối với học sinh tiểu học, nhà ở xa trường từ 04 km trở lên. Trong trường hợp địa hình cách trở, giao thông đi lại khó khăn phải qua biển, hồ, sông, suối, qua đèo, núi cao, qua vùng sạt lở đất, đá, nhà ở xa trường thì khoảng cách từ 03 km trở lên.

+ Đối với học sinh trung học cơ sở, nhà ở xa trường từ 07 km trở lên. Trong trường hợp địa hình cách trở, giao thông đi lại khó khăn phải qua biển, hồ, sông, suối, qua đèo, núi cao, qua vùng sạt lở đất, đá, nhà ở xa trường thì khoảng cách từ 05 km trở lên.

+ Đối với học sinh trung học phổ thông, nhà ở xa trường từ 10 km trở lên. Trong trường hợp địa hình cách trở, giao thông đi lại khó khăn phải qua biển, hồ, sông, suối, qua đèo, núi cao, qua vùng sạt lở đất, đá, nhà ở xa trường thì khoảng cách từ 07 km trở lên.

+ Đối với học viên học chương trình giáo dục thường xuyên cấp trung học cơ sở, nhà ở xa nơi học tập từ 07 km trở lên. Trong trường hợp địa hình cách trở, giao thông đi lại khó khăn phải qua biển, hồ, sông, suối, qua đèo, núi cao, qua vùng sạt lở đất, đá, nhà ở xa trường thì khoảng cách từ 05 km trở lên.

+ Đối với học viên học chương trình giáo dục thường xuyên cấp trung học phổ thông, nhà ở xa nơi học tập từ 10 km trở lên. Trong trường hợp địa hình cách trở, giao thông đi lại khó khăn phải qua biển, hồ, sông, suối, qua đèo, núi cao, qua vùng sạt lở đất, đá, nhà ở xa trường thì khoảng cách từ 07 km trở lên.

- Quy định về địa bàn làm căn cứ xác định học sinh, học viên bán trú không thể đi đến trường và trở về nhà trong ngày: Xã khu vực III, khu vực II, khu vực I, xã có thôn đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo theo quy định của cấp có thẩm quyền.

2.6. Quyết định số 024/2025/QĐ-UBND ngày 11/11/2025 ban hành quy định về phân cấp quản lý, tổ chức thực hiện các dự án sử dụng nguồn vốn đầu tư phát triển thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk

a) *Hiệu lực thi hành:* từ ngày 10/11/2025, bãi bỏ Quyết định số 13/2023/QĐ-UBND ngày 29/3/2023 của UBND tỉnh Đắk Lắk về ban hành Quy định về phân cấp quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

b) *Nội dung chủ yếu:* Quyết định này ban hành Quy định về phân cấp quản lý, tổ chức thực hiện các dự án sử dụng nguồn vốn đầu tư phát triển thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

- Về phạm vi điều chỉnh: Quy định về phân cấp quản lý, tổ chức thực hiện các dự án sử dụng nguồn vốn đầu tư phát triển thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia cho các sở, ban ngành, đơn vị, địa phương trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk theo quy định tại khoản 2 Điều 40 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia (được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 22 Điều 1 Nghị định số 38/2023/NĐ-CP ngày 24/6/2023 của Chính phủ).

- Về đối tượng áp dụng: các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường (gọi tắt là UBND cấp xã) và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan trong việc quản lý, tổ chức thực hiện các dự án sử dụng nguồn vốn đầu tư phát triển thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh.

- Phân cấp đơn vị làm chủ đầu tư dự án sử dụng nguồn vốn đầu tư phát triển:

- + Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới;
- + Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững;
- + Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

- Phân cấp thẩm quyền thẩm định, phê duyệt dự án đầu tư:

- + Đối với các dự án đầu tư có cấu phần xây dựng;
- + Đối với các dự án đầu tư không có cấu phần xây dựng.

- Phân cấp thẩm quyền phê duyệt quyết toán các dự án:

- + Đối với các dự án đầu tư do Chủ tịch UBND xã quyết định phê duyệt;
- + Đối với các dự án do Chủ tịch UBND tỉnh quyết định phê duyệt dự án.

Các nội dung có liên quan đến quản lý, tổ chức thực hiện các dự án sử dụng nguồn vốn đầu tư phát triển thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh không quy định tại Quy định này, thực hiện theo Nghị định số 27/2022/NĐ-CP, Nghị định số 38/2023/NĐ-CP và các quy định pháp luật hiện hành có liên quan.

2.7. Quyết định số 025/2025/QĐ-UBND ngày 12/11/2025 Danh mục tài sản mua sắm tập trung thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Đắk Lắk

a) *Hiệu lực thi hành:* từ ngày 12/11/2025, Quyết định số 3044/QĐ-UBND ngày 03/12/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Lắk quy định Danh mục tài sản mua sắm tập trung thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Đắk Lắk hết hiệu lực thi hành.

b) *Nội dung chủ yếu:* Quyết định này quy định về Danh mục tài sản mua sắm tập trung thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Đắk Lắk.

- Về đối tượng áp dụng:

- + Đơn vị thực hiện mua sắm tập trung của tỉnh.

+ Cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập (trừ đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư, đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên).

+ Cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam thực hiện mua sắm tài sản từ nguồn ngân sách nhà nước.

+ Ủy ban Mặt trận Tổ Quốc Việt Nam tỉnh (bao gồm tổ chức chính trị - xã hội và tổ chức hội được Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ trực thuộc Mặt trận Tổ quốc Việt Nam), tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp và các tổ chức khác được thành lập theo quy định của pháp luật về hội sử dụng ngân sách nhà nước để mua sắm tài sản.

- Danh mục tài sản mua sắm tập trung: Máy photocopy.

2.8. Quyết định số 026/2025/QĐ-UBND ngày 13/11/2025 ban hành Quy định quản lý an toàn trong sử dụng điện trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk

a) *Hiệu lực thi hành:* từ ngày 13/11/2025, bãi bỏ Quyết định số 769/QĐ-UBND ngày 14/5/2025 của UBND tỉnh Phú Yên về việc ban hành Quy định quản lý về an toàn trong sử dụng điện trên địa bàn tỉnh Phú Yên.

b) *Nội dung chủ yếu:* Quyết định này ban hành Quy định quản lý an toàn trong sử dụng điện trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

- Về phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng: quy định các biện pháp quản lý an toàn trong sử dụng điện cho các hoạt động, gồm: Sản xuất, chiếu sáng công cộng, sinh hoạt và dịch vụ trên địa bàn tỉnh; áp dụng đối với các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp và tổ chức, cá nhân sử dụng điện trên địa bàn tỉnh.

- Về nguyên tắc chung:

+ Các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân sử dụng điện phải tuân thủ các quy định sau về an toàn trong sử dụng điện: Tổ chức hoặc tham gia tuyên truyền, phổ biến pháp luật, kiến thức, kỹ năng về an toàn điện; xây dựng nội quy và thực hiện sử dụng điện an toàn, tiết kiệm và hiệu quả tại cơ quan, đơn vị; Tuân thủ các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật điện, an toàn điện và các quy định của pháp luật về an toàn điện; Lắp đặt biển cấm, biển báo, tín hiệu cảnh báo về an toàn điện theo quy định của pháp luật; Việc sử dụng điện làm phương tiện bảo vệ trực tiếp theo quy định tại khoản 4 Điều 3 Thông tư số 02/2025/TT-BCT của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định về bảo vệ công trình điện lực và an toàn trong lĩnh vực điện lực chỉ được thực hiện khi sử dụng biện pháp bảo vệ khác không hiệu quả tại khu vực được Bộ trưởng Bộ Công an, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng cho phép và phải bảo đảm điều kiện theo quy định của Bộ trưởng Bộ Công Thương; Sử dụng dây dẫn điện, thiết bị điện bảo đảm chất lượng sản phẩm, hàng hóa, có dán nhãn tiết kiệm năng lượng theo quy định và phù hợp với tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và các quy định pháp luật có liên quan.

+ Các hành vi bị nghiêm cấm trong sử dụng điện: Sử dụng điện làm phương tiện bảo vệ trực tiếp, trừ trường hợp quy định tại điểm d khoản 1 Điều 2 của Quy định này; Trộm cắp điện, phá hoại phương tiện, trang thiết bị điện; Cung cấp thông tin không chính xác, thiếu minh bạch xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân trong sử dụng điện; Cản trở cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền sửa chữa, cải tạo, khắc phục sự cố đối với công trình điện lực, kiểm tra, giám sát trong sử dụng điện; Sách nhiễu, gây phiền hà, thu lợi bất chính trong sử dụng điện; Câu móc, sử dụng điện từ hệ thống chiếu sáng công cộng vào mục đích khác khi chưa có ý kiến của cơ quan có thẩm quyền; trộm cắp các thiết bị điện chiếu sáng công cộng; lạm dụng chiếu sáng làm ảnh hưởng đến môi trường, sức khỏe con người, an toàn và mỹ quan đô thị.

- Ngoài ra, Quy định này còn quy định về biện pháp quản lý an toàn trong sử dụng điện: An toàn trong sử dụng điện cho sản xuất; An toàn trong sử dụng điện cho sinh hoạt, dịch vụ; An toàn trong sử dụng điện cho chiếu sáng công cộng.

2.9. Quyết định số 027/2025/QĐ-UBND ngày 14/11/2025 quy định danh mục tài sản cố định đặc thù và danh mục, thời gian tính hao mòn, tỷ lệ hao mòn tài sản cố định vô hình (trừ thương hiệu của đơn vị sự nghiệp công lập) thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Đắk Lắk

a) *Hiệu lực thi hành:* từ ngày 25/11/2025, bãi bỏ Quyết định số 56/2024/QĐ-UBND ngày 16/12/2024 của UBND tỉnh Đắk Lắk (cũ) quy định Danh mục tài sản cố định đặc thù; Danh mục, thời gian tính hao mòn và tỷ lệ hao mòn tài sản cố định vô hình thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Đắk Lắk và Quyết định số 24/2024/QĐ-UBND ngày 28/5/2024 của UBND tỉnh Phú Yên (trước đây) quy định danh mục tài sản cố định đặc thù và danh mục, thời gian tính hao mòn, tỷ lệ hao mòn tài sản cố định vô hình (trừ thương hiệu của đơn vị sự nghiệp công lập) thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Phú Yên.

b) *Nội dung chủ yếu:* Quyết định này quy định danh mục tài sản cố định đặc thù và danh mục, thời gian tính hao mòn, tỷ lệ hao mòn tài sản cố định vô hình (trừ thương hiệu của đơn vị sự nghiệp công lập) thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Đắk Lắk.

- Về đối tượng áp dụng: Quyết định này áp dụng đối với cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, cơ quan Đảng cộng sản Việt Nam, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam (bao gồm cả tổ chức chính trị - xã hội và tổ chức hội được Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ trực thuộc Mặt trận Tổ quốc Việt Nam), doanh nghiệp được giao quản lý tài sản cố định quy định tại điểm c khoản 1 Điều 1 Thông tư số 23/2023/TT-BTC thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Đắk Lắk.

Khuyến khích các tổ chức chính trị xã hội-ngành nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội-ngành nghề nghiệp, tổ chức khác được thành lập theo quy định của pháp luật về Hội áp dụng các quy định tại Quyết định này để quản lý, tính hao mòn tài sản cố

định.

- Danh mục tài sản cố định đặc thù; danh mục thời gian tính hao mòn, tỷ lệ hao mòn tài sản cố định vô hình (trừ thương hiệu của đơn vị sự nghiệp công lập):

- + Danh mục tài sản cố định đặc thù được quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Quyết định này.

- + Danh mục, thời gian tính hao mòn, tỷ lệ hao mòn tài sản cố định vô hình (trừ thương hiệu của đơn vị sự nghiệp công lập) được quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Quyết định này.

2.10. Quyết định số 028/2025/QĐ-UBND ngày 14/11/2025 ban hành Quy chế về nâng bậc lương trước thời hạn do lập thành tích xuất sắc trong thực hiện nhiệm vụ; nâng lương vượt một bậc do được đánh giá có phẩm chất, năng lực nổi trội, có thành tích đặc biệt xuất sắc đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk

a) Hiệu lực thi hành: từ ngày 14/11/2025.

b) Nội dung chủ yếu: Quyết định này ban hành Quy chế về nâng bậc lương trước thời hạn do lập thành tích xuất sắc trong thực hiện nhiệm vụ; nâng lương vượt một bậc do được đánh giá có phẩm chất, năng lực nổi trội, có thành tích đặc biệt xuất sắc đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

- Về phạm vi điều chỉnh:

- + Quy chế này quy định về nâng bậc lương trước thời hạn do lập thành tích xuất sắc trong thực hiện nhiệm vụ; nâng lương vượt một bậc do được đánh giá có phẩm chất, năng lực nổi trội, có thành tích đặc biệt xuất sắc đóng góp cho cơ quan, đơn vị đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

- + Nội dung có liên quan đến việc nâng bậc lương trước thời hạn do lập thành tích xuất sắc trong thực hiện nhiệm vụ; nâng lương vượt một bậc do được đánh giá có phẩm chất, năng lực nổi trội, có thành tích đặc biệt xuất sắc đóng góp cho cơ quan, đơn vị đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động nhưng không quy định tại Quy chế này thì thực hiện theo các văn bản pháp luật hiện hành. Trong trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật được viện dẫn trong Quy chế này có sự thay đổi, bổ sung hoặc thay thế thì áp dụng theo văn bản quy phạm pháp luật mới.

- Về đối tượng áp dụng:

- + Cán bộ, công chức, viên chức làm việc trong các cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập xếp lương theo bảng lương quy định tại Nghị định số 204/2004/NĐ-CP ngày 14/12/2004 của Chính phủ về chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang (sau đây gọi tắt là cán bộ, công chức, viên chức).

+ Người làm việc theo chế độ hợp đồng lao động trong các cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập có thỏa thuận trong hợp đồng lao động xếp lương theo Nghị định số 204/2004/NĐ-CP ngày 14/12/2004 của Chính phủ về chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang (sau đây gọi tắt là người lao động).

+ Các sở, ban, ngành; các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; Ủy ban nhân dân các xã, phường (sau đây gọi tắt là các cơ quan, đơn vị).

- Về nguyên tắc nâng bậc lương trước thời hạn, nâng lương vượt một bậc:

+ Việc xem xét, quyết định nâng bậc lương trước thời hạn, nâng lương vượt một bậc phải bảo đảm công bằng, dân chủ, công khai, động viên, khích lệ cán bộ, công chức, viên chức, người lao động thi đua phấn đấu hoàn thành và hoàn thành vượt mức nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị.

+ Không thực hiện hai lần liên tiếp nâng bậc lương trước thời hạn do lập thành tích xuất sắc trong thực hiện nhiệm vụ.

+ Trường hợp cán bộ, công chức, viên chức và người lao động lập thành tích xuất sắc trong thực hiện nhiệm vụ, hoặc được đánh giá có phẩm chất, năng lực nổi trội, có thành tích đặc biệt xuất sắc hoặc có thông báo nghỉ hưu, thì được thực hiện một trong ba chế độ nâng bậc lương có lợi nhất (nâng bậc lương trước thời hạn do lập thành tích xuất sắc trong thực hiện nhiệm vụ; nâng lương vượt một bậc do được đánh giá có phẩm chất, năng lực nổi trội, có thành tích đặc biệt xuất sắc; nâng bậc lương trước thời hạn khi có thông báo nghỉ hưu).

+ Thời điểm tính hưởng bậc lương mới do được nâng lương vượt một bậc đối với cán bộ, công chức, viên chức được đánh giá, công nhận là người có phẩm chất, năng lực nổi trội, có thành tích đặc biệt xuất sắc được tính hưởng kể từ ngày hưởng lương ở bậc cũ.

+ Trường hợp ngày ký quyết định nâng bậc lương trước thời hạn, nâng lương vượt một bậc sau thời điểm được tính hưởng bậc lương mới thì cán bộ, công chức, viên chức và người lao động được truy lĩnh tiền lương và truy nộp bảo hiểm xã hội phần chênh lệch tiền lương tăng thêm giữa bậc lương mới so với bậc lương cũ.

+ Không xét nâng bậc lương trước thời hạn, nâng lương vượt một bậc đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động đang trong thời hạn xem xét xử lý kỷ luật, đang bị điều tra, truy tố, xét xử theo quy định của pháp luật.

- Quy chế còn quy định cụ thể về: Thẩm quyền nâng bậc lương trước thời hạn, nâng lương vượt một bậc; Thời điểm xét, quyết định nâng bậc lương trước thời hạn, nâng lương vượt một bậc; Tiêu chuẩn, điều kiện xét nâng bậc lương trước thời hạn, nâng lương vượt một bậc; Xác định thành tích xét nâng bậc lương trước thời hạn; Tỷ lệ và cách tính số người nâng bậc lương trước thời hạn, nâng lương vượt một bậc; Cấp độ thành tích tương ứng với thời gian được nâng bậc lương trước thời hạn;

Ưu tiên trong xét nâng bậc lương trước thời hạn, nâng lương vượt một bậc; Hội đồng xét nâng bậc lương trước thời hạn, nâng lương vượt một bậc; Hồ sơ nâng bậc lương trước thời hạn, nâng lương vượt một bậc.

2.11. Quyết định số 029/2025/QĐ-UBND ngày 17/11/2025 quy định về diện tích, vị trí, mục đích sử dụng của công trình xây dựng phục vụ trực tiếp sản xuất nông nghiệp trên đất trồng lúa trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk

a) *Hiệu lực thi hành:* từ ngày 28/11/2025.

b) *Nội dung chủ yếu:* Quyết định này quy định về diện tích, vị trí, mục đích sử dụng của công trình xây dựng phục vụ trực tiếp sản xuất nông nghiệp trên đất trồng lúa trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Nghị định số 112/2024/NĐ-CP ngày 11/9/2024 của Chính phủ quy định chi tiết về đất trồng lúa.

- Về đối tượng áp dụng: Cơ quan nhà nước được giao thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước có liên quan đến việc quản lý, sử dụng đất trồng lúa; Người sử dụng đất trồng lúa; Các đối tượng khác có liên quan đến việc quản lý, sử dụng đất trồng lúa.

- Điều kiện sử dụng đất trồng lúa để xây dựng công trình phục vụ trực tiếp sản xuất nông nghiệp trên đất trồng lúa:

+ Công trình xây dựng phục vụ trực tiếp sản xuất nông nghiệp trên đất trồng lúa (sau đây gọi tắt là công trình) phải đảm bảo tuân thủ quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 9 Nghị định số 112/2024/NĐ-CP.

+ Diện tích đất xây dựng công trình theo quy định này không phải thực hiện chuyển mục đích sử dụng đất, không phải cấp phép xây dựng công trình.

+ Khu vực đất trồng lúa được phép xây dựng công trình phải có ranh giới rõ ràng, bao gồm một thửa đất hoặc nhiều thửa đất liền kề đã được Nhà nước cấp một trong những giấy tờ chứng minh quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai và còn thời hạn sử dụng đất.

- Quy mô, diện tích, vị trí, mục đích sử dụng của công trình xây dựng phục vụ trực tiếp sản xuất nông nghiệp trên đất trồng lúa:

+ Quy mô công trình: Công trình xây dựng phục vụ trực tiếp sản xuất nông nghiệp trên đất trồng lúa có quy mô là công trình cấp IV, 01 tầng (không xây dựng tầng hầm, tầng bán hầm), dễ dàng tháo dỡ.

+ Tổng diện tích đất xây dựng: Tổng diện tích xây dựng các hạng mục công trình không được vượt quá 0,01% tổng diện tích khu vực đất trồng lúa được phép xây dựng và không vượt quá 500m².

+ Vị trí xây dựng công trình: Được xây dựng tại 01 (một) hoặc nhiều vị trí khác nhau trong khu vực đất trồng lúa nhưng không vượt quá tổng diện tích xây dựng quy định tại khoản 2 Điều này.

+ Mục đích sử dụng: Công trình phục vụ trực tiếp sản xuất nông nghiệp là công trình phục vụ sơ chế, bảo quản nông sản; kho chứa vật tư nông nghiệp, máy móc, dụng cụ lao động; trưng bày, giới thiệu sản phẩm nông nghiệp.

2.12. Quyết định số 030/2025/QĐ-UBND ngày 19/11/2025 quy định Bảng giá tính lệ phí trước bạ đối với nhà trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk

a) *Hiệu lực thi hành:* từ ngày 01/12/2025, bãi bỏ Quyết định số 41/2023/QĐ-UBND ngày 11/12/2023 của UBND tỉnh Đắk Lắk (cũ) quy định tỷ lệ % chất lượng còn lại của nhà chịu lệ phí trước bạ trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk và Quyết định số 50/2025/QĐ-UBND ngày 20/6/2025 của UBND tỉnh Phú Yên (trước đây) quy định Bảng giá tính lệ phí trước bạ đối với nhà trên địa bàn tỉnh Phú Yên.

b) *Nội dung chủ yếu:* Quyết định này quy định giá tính lệ phí trước bạ đối với nhà xây dựng mới và tỷ lệ (%) chất lượng còn lại của nhà chịu lệ phí trước bạ trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk theo điểm b khoản 1 Điều 7, điểm a khoản 4 Điều 13 Nghị định số 10/2022/NĐ-CP và điểm b khoản 1 Điều 3 Thông tư số 13/2022/TT-BTC.

- Về đối tượng áp dụng: Tổ chức, cá nhân có tài sản là nhà thuộc đối tượng chịu lệ phí trước bạ phải nộp lệ phí trước bạ theo quy định tại Điều 3 Nghị định số 10/2022/NĐ-CP (trừ các trường hợp thuộc đối tượng miễn lệ phí trước bạ quy định tại Điều 10 Nghị định số 10/2022/NĐ-CP); Cơ quan thuế; Cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

- Giá tính lệ phí trước bạ đối với nhà mới xây dựng:

+ Giá tính lệ phí trước bạ đối với nhà mới xây dựng thuộc địa giới hành chính của tỉnh Đắk Lắk (cũ): được xác định theo quy định tại Bảng đơn giá xây dựng mới nhà, nhà ở, công trình xây dựng, vật kiến trúc quy định tại Quyết định số 29/2025/QĐ-UBND ngày 06/6/2025 của UBND tỉnh Đắk Lắk ban hành đơn giá xây dựng mới nhà, nhà ở, công trình xây dựng, vật kiến trúc trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

+ Giá tính lệ phí trước bạ đối với nhà mới xây dựng thuộc địa giới hành chính của tỉnh Phú Yên (trước đây): được xác định theo quy định tại Bảng đơn giá nhà và công trình xây dựng gắn liền trên đất được quy định tại Quyết định số 66/2024/QĐ-UBND ngày 02/12/2024 của UBND tỉnh Phú Yên (trước đây) quy định bộ đơn giá nhà, nhà ở, công trình xây dựng và vật kiến trúc trên địa bàn tỉnh Phú Yên.

+ Trường hợp Quyết định số 29/2025/QĐ-UBND ngày 06/6/2025 của UBND tỉnh Đắk Lắk (cũ) và Quyết định số 66/2024/QĐ-UBND của UBND tỉnh Phú Yên (trước đây) được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản mới thì giá tính lệ phí trước bạ đối với nhà mới xây dựng được áp dụng theo văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

2.13. Quyết định số 031/2025/QĐ-UBND ngày 19/11/2025 phân cấp thẩm quyền quyết định xác lập, phê duyệt phương án xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Đắk Lắk

a) *Hiệu lực thi hành:* từ ngày 01/12/2025.

b) *Nội dung chủ yếu:* Quyết định này quy định về phân cấp thẩm quyền quyết định xác lập, phê duyệt phương án xử lý đối với tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Đắk Lắk quy định tại khoản 3 Điều 10, khoản 3 Điều 20, khoản 2 Điều 43, khoản 4 Điều 47 Nghị định số 77/2025/NĐ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ quy định thẩm quyền, thủ tục xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản và xử lý đối với tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân.

- Về đối tượng áp dụng:

+ Cơ quan, người có thẩm quyền quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản và quyết định phê duyệt phương án xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân.

+ Cơ quan, tổ chức, đơn vị được giao chủ trì quản lý, xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân.

+ Cơ quan được giao thực hiện nhiệm vụ quản lý tài sản công quy định tại khoản 3 Điều 19 Luật Quản lý, sử dụng tài sản công.

+ Các tổ chức, cá nhân khác liên quan.

- Phân cấp thẩm quyền xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản do chủ sở hữu tự nguyện chuyển giao quyền sở hữu cho Nhà nước Việt Nam thông qua chính quyền tỉnh Đắk Lắk (không bao gồm tài sản quy định tại khoản 9 Điều 4 Nghị định số 77/2025/NĐ-CP):

+ UBND tỉnh quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản đối với tài sản chuyển giao cho Nhà nước Việt Nam thông qua chính quyền địa phương thuộc cấp tỉnh, gồm: nhà, đất, xe ô tô, tài sản khác có giá trị từ 500 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản;

+ Các Sở, ban, ngành thuộc tỉnh quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản đối với tài sản chuyển giao cho Nhà nước Việt Nam thông qua cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý trừ trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này;

+ Chủ tịch UBND các xã, phường quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản đối với tài sản chuyển giao cho Nhà nước Việt Nam thông qua chính quyền địa phương thuộc cấp xã, phường, trừ trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này.

- Phân cấp thẩm quyền quyết định phê duyệt phương án xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân:

+ Phân cấp thẩm quyền quyết định phê duyệt phương án xử lý tài sản đối với tang vật, phương tiện vi phạm hành chính bị tịch thu do người có thẩm quyền thuộc

phạm vi quản lý của tỉnh Đắk Lắk ra quyết định tịch thu (trừ trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 10 Nghị định số 77/2025/NĐ-CP);

+ Phân cấp thẩm quyền quyết định phê duyệt phương án xử lý đối với tài sản là vật chứng vụ án, tài sản của người bị kết án bị tịch thu và đã có quyết định thi hành án của cơ quan có thẩm quyền (trừ trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 20 Nghị định số 77/2025/NĐ-CP);

+ Phân cấp thẩm quyền quyết định phê duyệt phương án xử lý đối với tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân là tài sản do chủ sở hữu tự nguyện chuyển giao quyền sở hữu cho Nhà nước Việt Nam thông qua chính quyền tỉnh Đắk Lắk.

Cơ quan, người có thẩm quyền quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân tại Điều 3 Quyết định này thì có thẩm quyền quyết định phương án xử lý đối với tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân là tài sản do chủ sở hữu tự nguyện chuyển giao quyền sở hữu cho Nhà nước Việt Nam thông qua chính quyền tỉnh Đắk Lắk.

2.14. Quyết định số 032/2025/QĐ-UBND ngày 19/11/2025 phân cấp thẩm quyền ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng của các cơ quan, đơn vị, địa phương thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Đắk Lắk

a) *Hiệu lực thi hành:* từ ngày 19/11/2025, bãi bỏ Quyết định số 12/2023/QĐ-UBND ngày 20/4/2023 của UBND tỉnh Phú Yên (trước đây) quy định phân cấp thẩm quyền ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng của các cơ quan, đơn vị và địa phương thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Phú Yên và Quyết định số 57/2024/QĐ-UBND ngày 16/12/2024 của UBND tỉnh Đắk Lắk (cũ) về việc phân cấp thẩm quyền ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của UBND tỉnh Đắk Lắk.

b) *Nội dung chủ yếu:* Quyết định này quy định về phân cấp thẩm quyền ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng của các cơ quan, đơn vị, địa phương thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Đắk Lắk.

- Về đối tượng áp dụng: Cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập (trừ đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư), ban quản lý dự án sử dụng vốn nhà nước thuộc UBND tỉnh (sau đây gọi là cơ quan, tổ chức, đơn vị); UBND các xã, phường (sau đây gọi là UBND cấp xã); Các tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến việc xác định, quyết định, áp dụng tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị.

- Phân cấp thẩm quyền ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng:

+ Phân cấp thẩm quyền ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng tại cơ quan, tổ chức, đơn vị (trừ lĩnh vực y tế, giáo dục và đào tạo): Các sở, ban, ngành ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị

chuyên dùng của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý (bao gồm các đơn vị sự nghiệp trực thuộc); Các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc UBND tỉnh, Ban quản lý dự án sử dụng vốn nhà nước trực thuộc UBND tỉnh ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng trang bị tại cơ quan mình; UBND cấp xã ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của UBND cấp xã.

+ Phân cấp thẩm quyền ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng thuộc lĩnh vực y tế: Sở Y tế ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng thuộc lĩnh vực y tế theo đề nghị của Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

+ Phân cấp thẩm quyền ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng thuộc lĩnh vực giáo dục và đào tạo: Sở Giáo dục và Đào tạo ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng của các cơ sở giáo dục, cơ sở đào tạo thuộc phạm vi quản lý; Các cơ sở đào tạo thuộc cấp tỉnh ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng trang bị tại cơ quan mình; UBND cấp xã ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng của các cơ sở giáo dục, đào tạo thuộc phạm vi quản lý.

Những nội dung liên quan đến tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng không quy định tại Quyết định này thực hiện theo quy định tại Quyết định số 15/2025/QĐ-TTg quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị và các văn bản pháp luật có liên quan.

Trên đây là Thông cáo báo chí các văn bản quy phạm pháp luật do HĐND và UBND tỉnh ban hành trong tháng 11 năm 2025./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh;
- Cục PBGDPL và TGPL;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Trang thông tin điện tử PBGDPL tỉnh;
- Lưu: VT, NV3.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Lê Thị Thanh Thủy